

NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN QUY MÔ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC DẠY NGHỀ, PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Đặng Văn Thành

Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật

(*Bài nhận ngày 16/03/1999*)

TÓM TẮT : Hiện trạng công tác dạy nghề ở nước ta là chưa thoát khỏi tình trạng suy thoái, khủng hoảng trên ba mặt : quy mô, chất lượng và hiệu quả. Giải pháp chính hiện trạng này là : hoàn thiện công tác tổ chức, quản lý, chỉ đạo. Củng cố, phát triển công tác nghiên cứu khoa học dạy nghề

A. GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI

1. Vấn đề đặt ra

Nhu cầu đào tạo công nhân kỹ thuật ngày càng lớn và đa dạng hơn, nhưng ngành dạy nghề nước ta đang đứng trước một thực trạng: Giảm sút đáng kể quy mô đào tạo, chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất, nói rộng ra: Ngành dạy nghề hiện tại chưa thoát khỏi tình trạng khủng hoảng từ những năm 1980 trở lại đây.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài :

Đề tài nhằm nghiên cứu khái quát quá trình phát triển và hiện trạng công tác dạy nghề ở nước ta, tìm ra những kinh nghiệm, xác định những nhân tố tác động đến việc phát triển công tác dạy nghề tìm hiểu kinh nghiệm dạy nghề ở một số nước trên thế giới. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp nhằm phát triển công tác dạy nghề trên 3 mặt : Quy mô, chất lượng, hiệu quả. Nhằm vào mục tiêu đào tạo 22-25% đội ngũ những người lao động và năm 2000, 30% vào năm 2010, 40% vào năm 2020. Bảo đảm chất lượng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất.

3. Nội dung đề tài :

- Phần 1: Hiện trạng công tác dạy nghề Việt Nam.
- Phần 2: Một số kinh nghiệm giáo dục nghề nghiệp nước ngoài .
- Phần 3: Những đề xuất giải pháp .

4. Phương pháp nghiên cứu :

Trong điều kiện thực tế phương pháp nghiên cứu đề tài chủ yếu là tổng hợp, phân tích, trao đổi, lấy ý kiến chuyên gia.

B. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU :

PHẦN 1 : HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC DẠY NGHỀ NƯỚC TA

I. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC DẠY NGHỀ :

Trong các thời kỳ lịch sử, chế độ chính trị, kinh tế ... tác động rất lớn đến hoạt động nghề nghiệp và công tác dạy nghề ở Việt Nam. Thời tiền sử, thời phong kiến, nền kinh tế nước ta chủ yếu là nông lâm ngư nghiệp, thủ công ... Sản xuất tập trung cá thể địa phương. Hoạt động dạy nghề chủ yếu là truyền nghề, cho đến thời pháp thuộc, cùng với sự ra đời của một số, lĩnh vực công nghiệp, ảnh hưởng giáo dục từ Tây phương, hình thức dạy nghề

có trường, lớp, góc dạy nghề trong xưởng mới xuất hiện. Song chỉ đến sau Cách mạng tháng 8 /1945 giáo dục và giáo dục chuyên nghiệp Việt Nam mới được khởi sắc. Sự phát triển đạt ở đỉnh cao những năm 1970, 1980 cả nước có 1 hệ thống dạy nghề thống nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân, với quy mô 254.100 học sinh 366 trường dạy nghề. Tỷ lệ đào tạo ở sản xuất và trường nghề thời gian này là 7 và 3, đáp ứng đủ số lượng, cơ bản về chất lượng cho yêu cầu phát triển nền kinh tế có kế hoạch XHCN.

Sự suy thoái khủng hoảng của công tác dạy nghề từ sau những năm 1980 do tác động của tiến trình đổi mới kinh tế mà hoạt động dạy nghề chưa theo kịp, chậm đổi mới và thiếu năng động. Trong khi nhu cầu phát triển nhân lực qua đào tạo ngày càng nhiều. Số trường dạy nghề do không còn phù hợp hoặc không có khả năng tự phát triển, đã bị thu hẹp lại còn 174 trường (Năm học 1996/1997) và quy mô trên 79.000 học sinh học nghề.

Tuy nhiên do nhu cầu vẫn tăng cao, hình thức đào tạo nghề ngắn hạn (chủ yếu tại các trung tâm dạy nghề) tỏ ra ưu việt nên số học sinh tới học TTDN ngày càng cao. (hiện nay qui mô hàng năm khoảng 400.000 học sinh học nghề) các loại hình đào tạo : Trung học nghề, tổ chức dạy nghề tư thực, bán công ... đang có xu hướng phát triển.

II. PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC DẠY NGHỀ NƯỚC TA:

Về quy mô đào tạo :

Qui mô đào tạo tại các trường dạy nghề nhà nước đang trong xu hướng suy giảm đáng kể. Số trường nghề hiện còn khoảng 174 (Cao điểm là 366 trường), quy mô đào tạo : 79.488 học sinh (giảm khoảng 3 lần so với thời cao điểm nhất). Tuy vậy, số lượng Trung tâm dạy nghề (TTDN) lại tăng lên. Hiện tại các Trung tâm dạy nghề, quy mô hàng năm đào tạo : 400.000 học sinh, đó là chưa kể số đào tạo ở các Trung tâm xúc tiến việc làm, một số trường Trung học chuyên nghiệp, Đại học khác .. Tính tổng số đào tạo các cơ sở trên (cả dài hạn, ngắn hạn...) thì quy mô đào tạo hiện tại đạt khoảng 450.000 đến dưới 500.000 học sinh. So với yêu cầu đào tạo công nhân hiện tại cần khoảng 1,5 triệu hàng năm, thì quy mô hiện tại mới đáp ứng được 1/3 yêu cầu. Cơ cấu ngành nghề đào tạo còn nhiều bất hợp lý về. Số ngành nghề được đào tạo, tỉ lệ các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp được đào tạo thấp ...

Về nội dung, phương pháp và chất lượng đào tạo

Nội dung đã đào tạo trước nay đã được xem xét, có cải tiến thay đổi về khung thời gian các môn học ở các trường, cải tiến nội dung, phương pháp đào tạo nhưng về cơ bản chưa có thay đổi lớn. Gần đây một số trường áp dụng công nghệ dạy học, lấy học sinh làm trung tâm, áp dụng đào tạo kiểu MES và DACUM ... Tuy nhiên nhìn chung chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất.

Về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo :

Hiện có khoảng 30% số trường dạy nghề có cơ sở khang trang, thiết bị giảng dạy, nhà xưởng, máy móc thiết bị khá đầy đủ, còn lại vẫn trong tình trạng thiếu thốn, cũ kỹ lạc hậu, thậm chí thiếu cả điều kiện chăm sóc bảo dưỡng máy móc ... Đây là một nguyên nhân quan trọng khiến chất lượng dạy nghề giảm sút.

Đội ngũ giáo viên dạy nghề :

Năm học 1995/1996, còn 5.562 giáo viên dạy nghề trong toàn quốc, chất lượng giáo viên không đồng đều, vừa thiếu, vừa yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng, công tác đào tạo bồi dưỡng chăm lo cuộc sống cho giáo viên ... còn nhiều hạn chế. Trong khi đó, nhu cầu hàng năm cần bổ xung khoảng 4.000 (cả THCN và dạy nghề)

VỀ HỌC SINH HỌC NGHỀ :

Số học sinh trong các trường nghề nhà nước đang có xu hướng giảm đáng kể, trong khi đó, số học sinh học nghề tại các TTDN lại tăng với tốc độ cao, điều này cho thấy nhu cầu của người học, điều kiện bảo đảm việc học và xu hướng tuyển dụng ... trong điều kiện tại thu hút học sinh vào học tại các TTDN nhiều hơn.

VỀ CƠ CẤU QUẢN LÝ HỆ THỐNG NGÀNH DẠY NGHỀ. QUAN HỆ SẢN XUẤT – DẠY NGHỀ – THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG :

Sau 10 năm đổi mới, Tổng cục dạy nghề (trước đây đã có sau đó sát nhập lại với Bộ Giáo Dục Đào Tạo) lại được thành lập trở lại với chức năng quản lý chỉ đạo ngành dạy nghề tại các địa phương đang có sự phân định về mặt quản lý dạy nghề. Hiện tại cơ chế quản lý công tác dạy nghề còn nhiều bất cập, thiếu các thể chế phù hợp.. Công tác tổ chức, chỉ đạo còn nhiều lúng túng, thiếu các biện pháp sát thực với cơ sở dẫn đến chất lượng quản lý tại từng cơ sở thiếu đồng bộ, chất lượng hiệu quả thấp. Quan hệ giữa ngành dạy nghề với các bộ ngành sản xuất, giữa cơ sở đào tạo và cơ sở sản xuất với thị trường lao động rời rạc, thiếu gắn bó, chưa có cơ chế quản lý tương thích ...

KẾT LUẬN

Có thể nói rằng hiện trạng công tác dạy nghề nước ta chưa thoát khỏi khủng hoảng và suy thoái toàn diện. Tuy vậy thực lực ngành dạy nghề Việt Nam vẫn đang chứa đựng một tiềm năng lớn đó là : Tư tưởng chỉ đạo đổi mới của toàn ngành, nhận thức tiến bộ về dạy và học nghề của toàn xã hội, sự tồn tại phát triển của hơn 174 trường nghề, sự hình thành phát triển của trên 140 trung tâm dạy nghề và các cơ sở đào tạo nghề khác, là hệ thống ngành dạy nghề đang được củng cố và phát triển ... Trong khi nhu cầu CNKT ngày càng cao, chắc sẽ mang lại cho công tác dạy nghề những bước tiến đáng kể, đáp ứng nhu cầu xã hội.

III. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DẠY NGHỀ:

Từ quá trình phát triển & hiện trạng công tác dạy nghề, rút ra các nhân tố tác động đến sự phát triển như sau:

- Hệ thống quan điểm, các thể chế của nhà nước ta về dạy nghề (hiện tại chưa hoàn thiện).
- Tác động của sự phát triển kinh tế xã hội, của thị trường lao động với dạy nghề, hiện tại đang diễn ra
- Hoạt động của ngành dạy nghề (hiện tại đang thực hiện) .
- Bản sắc dân tộc Việt Nam, các kinh nghiệm lịch sử trong lĩnh vực dạy nghề hiện tại chưa được phát huy mạnh mẽ (đúng với tầm cỡ của nó).

PHẦN 2 : MỘT SỐ KINH NGHIỆM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NƯỚC NGOÀI

I. Giáo dục nghề nghiệp nước Cộng Hòa Pháp:

Cộng Hòa Pháp là cường Quốc thứ 5 trên thế giới. Quan điểm giáo dục công nghệ kỹ thuật bắt đầu rất sớm (1880), gắn chặt giáo dục phổ thông với giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp, đơn giản cấu trúc nội dung trường. Đầu tư cho giáo dục chú trọng đúng mức (Tuy nhiên, quan điểm cải cách của chính phủ đôi khi không được giới giáo chức ủng hộ, ví dụ thời kỳ 1919 - 1936 thì kết quả kém) .

II. GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NƯỚC NHẬT BẢN.

Quan điểm chỉ đạo giáo dục Nhật Bản từ Chính phủ tới nhân dân là coi trọng giáo dục kỹ thuật, nghề nghiệp nội dung và cách thức đào tạo phù hợp bản sắc người Nhật.

Nhật Bản coi trọng quản lý thông qua các đạo luật, bảo đảm các điều kiện để hoạt động và phát triển giáo dục nghề nghiệp. Chính vậy mà giáo dục nghề nghiệp Nhật Bản phát triển mạnh. Giáo dục và giáo dục nghề nghiệp ở Nhật Bản đã góp phần quan trọng bậc nhất trong phát triển kinh tế xã hội Nhật Bản.

III. GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP Ở TRUNG QUỐC

Trung Quốc xác định : Chương trình dạy nghề là căn cứ theo nhu cầu của thị trường lao động . Tuy vậy : Giáo dục Trung Quốc vẫn đang trong giai đoạn khủng hoảng, nguyên nhân do khả năng đầu tư kinh phí nhà nước quá nhỏ bé, tư tưởng đổi mới chậm, thiếu lý luận, thiếu dân chủ ... Hiện tại, Trung Quốc đang điều chỉnh theo hướng; biến nhà trường thành một thực thể giáo dục độc lập, xây dựng và phát triển thị trường giáo dục, điều chỉnh các chế độ khuyến học, mở cửa và giao lưu quốc tế.

IV. GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP Ở CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC :

Ở Đức, hệ thống giáo dục nghề nghiệp có tổ chức quản lý rất chặt chẽ, khoa học và hệ thống. Nhà nước Liên bang ban hành các điều luật giáo dục, dạy nghề, trong đó có bộ luật dạy nghề 1969. Đây là một bộ luật thể chế toàn bộ hoạt động công tác dạy nghề, các điều kiện đảm bảo rất chi tiết, cụ thể và toàn diện.

Đào tạo nghề ở Đức chủ yếu là tại các trường nghề (công và tư) và tại xí nghiệp. Đặc trưng riêng của đào tạo nghề Đức là hệ thống đào tạo kép (dạy nghề ở trường kết hợp hay nghề xí nghiệp theo một chương trình hợp nhất).

V. Giáo dục nghề nghiệp ở CHLB Nga:

Giáo dục nghề nghiệp ở CHLB Nga ngày nay là sự tiếp quản hệ thống dạy nghề Liên Xô (cũ), mô hình mà ở Việt Nam từ 1956 đến 1987 về cơ bản là áp dụng theo kiểu Liên Xô .

Từ những năm 1988 trở lại đây, ở Liên Xô có mô hình loại trường trung học kỹ thuật 5 năm học sinh sau khi tốt nghiệp lớp 8 (PTCS) có thể vào học trường này : Hết năm thứ 1 hoặc 2, có chứng nhận tay nghề (có thể ra làm việc), hết năm thứ 3 : cấp bằng PTTH chuyên ban và bằng nghề (3/7) Hết năm thứ 4, 5 : cấp bằng kỹ thuật viên và bằng kĩ sư dự bị . Sau đó có thể học tiếp ở trường đại học từ năm thứ 3. Đây là loại hình trường có nhiều triển vọng ở CHLB Nga hiện nay.

Những nhận xét đánh giá

Thông qua các hoạt động giáo dục nghề nghiệp một số nước trên thế giới cho thấy rằng : Các nước phát triển quan tâm xây dựng hệ thống pháp lý về dạy nghề rất sớm, cơ cấu hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề chặt chẽ , đồng bộ . Các điều kiện bảo đảm cho dạy nghề được thực hiện nghiêm túc . Quan hệ giữa các bộ ngành sản xuất và cơ quan quản lý đào tạo cũng như giữa những cơ sở đào tạo nghề và cơ sở sản xuất quan hệ chặt chẽ, gắn bó .

Mỗi nước có những hình thức đào tạo đặc trưng , phù hợp đặc điểm kinh tế xã hội của họ . Tất cả đã làm cho hoạt động dạy nghề của họ phát triển mạnh , tác động rất lớn đến phát triển kinh tế xã hội mỗi nước . Tuy vậy trong từng nước , từng thời kỳ , chế độ chính trị kinh tế có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động dạy nghề, nó có thể kéo theo những thất bại hoặc suy thoái ... Đây cũng là những bài học khi nghiên cứu ứng dụng trong điều kiện Việt Nam . Đặc biệt , nên chú ý nghiên cứu kinh nghiệm của Nhật Bản và CHLB Nga.

PHẦN 3: NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

I. Hoàn thiện công tác tổ chức quản lý, hệ thống pháp lý

Hoàn thiện công tác tổ chức quản lý : từ trung ương với địa phương, trước hết là tổng cục dạy nghề ở các cơ quan quản lý cấp bộ ngành, địa phương, nên thành lập các tổ chức như hiệp hội doanh nghiệp có chức năng tư vấn công tác dạy nghề ở khu vực cơ sở và cơ chế hoạt động các tổ chức đó theo hướng phát huy tính độc lập năng động từng cơ sở dạy nghề. Quản lý dạy nghề cấp trung ương nhất thiết thông qua các hệ thống pháp lý.

II. XÁC ĐỊNH NHU CẦU ĐỂ HOẠCH ĐỊNH QUY MÔ ĐÀO TẠO.

Nhu cầu đào tạo xuất phát từ nhu cầu nhân lực ở các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp và xu hướng phát triển của nó. Ở cấp trung ương, nhu cầu được xác định do cơ quan quản lý nhân lực lao động (Bộ lao động) tổ chức phối hợp với các bộ ngành, các cơ quan quản lý lao động, các khu công nghiệp, khu chế xuất thực hiện ... Hiện tại, nên hướng dẫn việc khai thác nhu cầu đào tạo cho các cơ sở đào tạo để có thể tự hoạch định quy mô đào tạo của trường mình.

III. ĐẦU TƯ THEO CHIỀU SÂU, ĐẦU TƯ MỚI MỞ RỘNG QUY MÔ HIỆN CÓ

Nên tận dụng tối đa, tối ưu những cơ sở đào tạo đã có. Chỉ nên đầu tư mới những cơ sở đào tạo với những ngành nghề mới hoặc quy mô còn chưa phù hợp. Nên tập trung đầu tư theo chiều sâu, mở rộng quy mô hiện có tài khoảng 1,5 - 2 lần hiện có.

IV. XÂY DỰNG MỚI, HOÀN HIỆN PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO HIỆN CÓ

* Hoàn thiện phát triển các loại hình đào tạo hiện có, nhất là chú ý loại hình Trung học nghề theo hướng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng

* Xây dựng mới các loại hình đào tạo:

-Đào tạo theo công nghệ, dây chuyền sản xuất (Kiểu dạy nghề có thể lưu động được).

-Đào tạo nghề liên thông với đào tạo kỹ thuật viên, kỹ sư

V. Xây dựng các chính sách khuyến khích dạy và học nghề

VI. GẮN TRƯỜNG (CƠ SỞ) DẠY NGHỀ VỚI SẢN XUẤT VÀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG:

Bằng cách mở các trường nghề tại xí nghiệp, xây dựng các tổ chức (như nghiệp đoàn doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp) có chức năng tư vấn hoạch định công tác dạy nghề từng khu công nghiệp và toàn quốc, xây dựng các cơ chế, thể chế hoạt động, phối hợp trách nhiệm giữa nhà trường và xí nghiệp phù hợp. Chỉ khi nào các nhà sản xuất, kinh doanh, các nhà môi giới, cung ứng lao động tham gia vào quá trình đào tạo cùng với các cơ sở đào tạo theo một cơ chế quản lý của nhà nước thì công tác dạy nghề mới có thể phát triển toàn diện.

VII. Củng cố phát triển công tác nghiên cứu khoa học, THÔNG TIN DẠY NGHỀ, QUAN HỆ QUỐC TẾ

Nên thành lập lại Viện khoa học dạy nghề, đưa công tác thông tin tuyên truyền dạy nghề thành hệ thống cho mọi đối tượng, trên các phương tiện truyền thông ... Mở rộng quan hệ Quốc tế từ trung ương tới các cơ sở, tăng cường giao lưu hợp tác Quốc tế về dạy nghề.

Những giải pháp trên đây rút ra từ những kết quả nghiên cứu quá trình phát triển, hiện trạng dạy nghề Việt Nam tham khảo kinh nghiệm dạy nghề 1 số nước trên thế giới, nên thiên về kết quả nghiên cứu, không có mục đích thay thế hoặc phê phán các giải pháp đã có:

**STUDY ON PRESENT STATE AND SOLUTIONS AIMING TO DEVELOP THE SCOP,
ENHANCE THE QUALITY & EFFECTIVENESS OF WORK IN VOCATIONAL
TRAINING, FOR SERVICE TO MODERNIZE AND INDUSTRIALIZE THE COUNTRY**

Đang Van Thanh

ABSTRACT : Current State of vocational training in our country has not escaped from the deteriorating and critical condition on three aspects : scope, quality, effectiveness. The main solution for this current state is : perfecting the tasks organization, management, consolidation and development of the research work on vocational training science .

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo Dục – Đào Tạo -50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945 – 1995) - NXB Giáo dục 1995
- [2] Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam Văn kiện Đại hội Đảng (lần thứ VI, VII, VIII) - NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội 1986, 1992, 1996.
- [3] Bộ Giáo dục – Đào tạo Đề cương chi tiết : Chiến lược phát triển GD – ĐT đến 2020 - Ban soạn thảo CLPT GD – ĐT Hà Nội 5/11/1997
- [4] Bộ công nghiệp , tổ chức hỗ trợ phát triển quốc tế Đức (DSE) Đào tạo nghề với phát triển kinh tế và thị trường lao động - Việt Nam 10/1997.
- [5] Bộ ĐH và THCN Những văn bản chung về giáo dục phổ thông , đại học và trung học chuyên nghiệp - Hà Nội 1978
- [6] X.la.Ba Tư Sép – Xa.Sapôrinxki (bản dịch của Đặng Danh Anh, Phạm Hoàng Gia , Nguyễn Lộc) Thực trạng và những giải pháp phát triển giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp - Hà Nội 12/1997.
- [7] Ph. Dr – Do Thanh Long Technical and vocational Industrial Education in South Vietnam - University of Missouri – Columbia August 1974 .